

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2023/HS-ST**

Ngày: 22 – 8 -2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Thịnh

2. Bà Trần Thị Thúy Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường thôn An Mỹ, xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 15/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 09/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H, tên gọi khác: B; sinh ngày 12/10/1993 tại Quảng Trị; nơi thường trú: thôn P, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ cưa; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1968; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2023, có mặt.

2. Trần Thị T, tên gọi khác: A; sinh ngày 28/12/2002 tại Quảng Trị; nơi thường trú: thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Công nhân may; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1972 và bà Lê Thị T, sinh năm 1978; chồng: Võ H, sinh năm 1996, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 07/5/2023 cho đến nay, có mặt.

Bị hại:

+ Bà Lê Thị X, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Đăng A, sinh năm 1969 trú tại: thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Anh Trần Tấn L, sinh năm 1997, trú tại: thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Quảng

Trị, có mặt.

+ Anh Hoàng Ngọc V, sinh năm 1994, trú tại: thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1974, trú tại: khu phố N, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Lê Hồng N, sinh năm 1999, trú tại: 98 ND, khu phố T, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Hồ Văn T, sinh năm 1993, trú tại: thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Anh Hồ Văn P, sinh năm 1995, trú tại: thôn X, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Anh Trần Văn Q, sinh năm 1973, trú tại: thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Lê Anh T, sinh năm 1982, trú tại: khu phố H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Lê Thị Minh H, sinh năm 1970, trú tại: thôn P, xã N, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Võ Thị L1, sinh năm 1967, trú tại: thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Anh Hồ Văn Q, sinh năm 1999, trú tại: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 18/4/2023, Nguyễn Ngọc H đi bộ đến nhà người quen tại thôn X, xã T, huyện L để lấy tiền công nhưng không gặp. Sau đó, H dùng Messenger gọi điện cho Trần Thị T nhờ chở lên thị trấn C, T đồng ý. Khoảng 12 giờ 00 cùng ngày, T đến và giao xe mô tô BKS: 74H1-1272 cho H điều khiển, trên đường đi, cả hai nói chuyện về việc thiếu tiền bạc để chi tiêu nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài, trả nợ, T đồng ý. Khi đến cổng làng thôn A, xã U, huyện L, H biết khu vực này có nhiều người dân đi làm rừng để xe mô tô ở bìa rừng nên điều khiển xe chở T đến tìm xe lấy trộm. Khi H rẽ vào đường có rừng cây gỗ trầm thì T hỏi “Đi mô trong ni?”, H trả lời “Vô đây kiếm xe trộm trả nợ”. Khi đi vào rừng trầm một đoạn, H phát hiện có 04 xe mô tô để gần nhau nên bảo T lái xe ra ngoài đứng đợi, nếu bị phát hiện thì chở H tẩu thoát, nhưng do những xe này để gần vị trí những người đang làm rừng nên không lấy trộm được. Lúc này, T gọi điện hỏi “được không anh”, H trả lời “chưa, khi nào được thì anh

điện, giờ gần nơi họ làm quá, chưa lấy được”, T nói “không được thì thôi, lên, đứng lâu họ nghi ngờ”. Sau đó, H đi ra khoảng 100m, thì nghe có tiếng máy phát cây, đi đến một đoạn thì phát hiện xe 01 xe mô tô Wave Alpha màu đen và 01 xe mô tô Sirius màu đen đỏ, trên xe mô wave alpha BKS 74K7-0207 của chị Lê Thị Xanh, sinh năm 1969, trú tại thôn A, xã U, huyện Cam Lộ còn cắm sẵn chìa khóa ở ổ điện nên nảy sinh ý định lấy trộm xe này. H đến dắt xe mô tô BKS 74K7-0207 đi khoảng 10m thì mở khóa, điều khiển xe chạy đến nói với T: “anh lấy được xe rồi”, bảo T đi đường thôn An Mỹ, còn H đi đường thôn B, xã U để gặp nhau tại trường THCS T, thị trấn C. Sau khi gặp nhau, H và T gửi xe của T tại nhà bạn, rồi H điều khiển xe mô tô vừa chiếm đoạt được chở T về thành phố Đ bán cho anh Nguyễn Quang V, với giá 3.000.000 đồng. H viết giấy bán xe, kèm giấy đăng ký xe và số điện thoại 0389267125 cho anh V. Sau đó, H và T thuê xe taxi lên thị trấn C, H đưa cho T 2.000.000 đồng, số tiền còn lại H tiêu xài hết.

Quá trình điều tra xác định được, ngoài hành vi trên Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T còn thực hiện thêm 02 vụ chiếm đoạt tài sản khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 21/4/2023, H điều khiển xe mô tô BKS 74H1-1272 chở T từ thị trấn C vào xã I, xã N, huyện L để mượn tiền và tìm việc làm nhưng không có. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H chở T về và rủ T trên đường nếu phát hiện xe máy nào sơ hở thì lấy trộm, T đồng ý. Khi đến thôn B, xã N thì trời mưa và bị mất điện, H điều khiển xe đến nhà bà Võ Thị L1 để mượn áo mưa, H dừng xe ngoài đường, đi vào nhà bà L1, T ngồi trên xe chờ. Tại đây, H thấy có 02 xe mô tô dựng ở sân nhà, trên xe mô tô Sirius BKS 74F9-5024 của anh Trần Tấn L (con bà L1), có cắm sẵn chìa khóa, nên nảy sinh ý định lấy trộm. H đến quay đầu xe ra phía cổng nhà, dắt xe ra gần cổng, rồi ngồi trên xe chạy xuống dốc, nổ máy chạy, đồng thời bảo T điều khiển xe chạy theo. Trên đường đi, xe bị hết xăng, H đưa xe đến quán cầm đồ Tú mobile, Khu phố H, thị trấn C để cầm xe, do không có giấy tờ xe nên không cầm được. Sau đó, H lấy 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Thị X, là chủ của chiếc xe mô tô 74K7-0207 mà H lấy trộm ngày 18/4/2023 đưa cho anh Lê Anh T, nói dối đây là giấy phép lái xe của mẹ H để cầm 100.000 đồng. Sau đó, H đi đổ xăng, điều khiển xe mô tô đến nhà T ngủ lại. Đến sáng 22/4/2023, H điều khiển xe mô tô BKS 74F9-5024 đến gặp anh Hồ Văn T bán xe mô tô, với giá 1.500.000 đồng. Anh T yêu cầu H chụp ảnh giấy tờ tùy thân để làm căn cứ. Sau đó, H đón xe về thành phố Đ đưa cho T số tiền 250.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 8 giờ 00 phút ngày 24/4/2023, H điều khiển xe mô tô 74K7-1272 chở T đến quán tạp hóa thuộc thôn P, xã T, huyện L mua một tuốc nơ vít để đem về nhà sửa máy cưa. Sau đó, H chở T chạy quanh 02 xã C, xã N để chơi, trên đường đi, T nói đang thiếu tiền, H cũng đang nợ tiền người khác nên H nói với T đi lấy trộm thêm một chiếc xe máy nữa, T đồng ý. Đến khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, H chở T đến trại nuôi heo ở thôn A, xã C, huyện Cam Lộ, phát hiện có nhiều xe mô tô nên dừng lại, bảo T đứng canh giới để H lấy trộm xe. Khi đến gần, H thấy

xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ, đen, BKS 74G1-035.18 của anh Hoàng Ngọc V, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã C, huyện L có ổ khóa điện lỏng lẻo nên dùng tuốc nơ vít mở khóa điều khiển xe chạy và T điều khiển xe chạy theo. Khi đi được khoảng 01km thì H dừng xe, dùng tuốc nơ vít tháo biển kiểm soát 74G1-035.18, bỏ tuốc nơ vít và biển số xe vào cốp xe. Sau đó, H và T điều khiển 02 chiếc xe mô tô đến gặp anh Hồ Văn Q nhờ bán xe vừa lấy trộm được với giá 2.500.000 đồng, anh Q gọi anh Hồ Văn P đến mua xe với giá 2.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-ĐGTS ngày 04/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cam Lộ kết luận: Xe mô tô hiệu Honda, loại xe nữ, màu sơn đen-xám, BKS 74K7-0207 trị giá 2.900.000 đồng;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐGTS ngày 12/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cam Lộ kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ - trắng, BKS 74F9-5024 trị giá 4.950.000 đồng. Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ-đen, BKS 74G1-035.18 trị giá: 4.600.000 đồng. Giấy phép lái xe số 451089002513 mang tên Lê Thị X trị giá 150.000 đồng;

Tại bản kết luận giám định số 535/KL-KTHS ngày 06/6/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 (trừ chữ viết dưới mục cán bộ tiếp nhận trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2) là chữ do cùng một người viết ra.

Tại Cáo trạng số 21/CT - VKSCL ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Ngọc H từ 15 – 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày tạm giữ, tạm giam.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt Trần Thị T từ 09 – 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi hình phạt.

- Về xử lý vật chứng và tài sản: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động của bị cáo H, bị cáo T do sử dụng vào việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy đối với các thẻ sim gắn bên trong các điện thoại và 01 tuốc novit anh Hồ Văn P giao nộp tại phiên tòa. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Quang V do thu lợi bất chính.

- Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T liên đới bồi thường cho anh Hồ Văn P 2.500.000 đồng; bồi thường cho anh Hồ Văn T

số tiền 1.800.000 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị X 5.000.000 đồng. Tổng cộng: 9.300.000 đồng.

- Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại bà Lê Thị X, anh Trần Tấn L đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà Lê Thị X yêu cầu 02 bị cáo bồi thường cho bà X 5.000.000 đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn T yêu cầu 02 bị cáo bồi thường 1.800.000 đồng; anh Hồ Văn P yêu cầu 02 bị cáo bồi thường 2.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận từ ngày 18/4/2023 đến ngày 24/4/2023, Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T lợi dụng sơ hở, chủ quan của người dân đi làm rừng và những người khác đã lén lút chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô có tổng trị giá theo kết luận định giá của Hội đồng định giá là 12.450.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án, các bị cáo đã thực hiện với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Ngọc H có vị trí, vai trò cao hơn bị cáo T do bị cáo H là chủ mưu, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt, còn bị cáo Trần Thị T là người giúp sức đứng cảnh giới cho bị cáo H. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T thực hiện nhiều lần chiếm đoạt với mỗi lần đủ tang số tội “Trộm cắp tài sản” nêu thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Trần Thị T đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và mức hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo trong một thời gian ngắn đã chiếm đoạt nhiều tài sản của các bị hại, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn huyện Cam Lộ, làm quần chúng nhân dân cảm thấy bất an trong việc bảo vệ tài sản, do đó cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, trong đó cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội mới đủ để răn đe, trừng trị bị cáo; bị cáo T vai trò thấp hơn xét thấy cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Anh Hoàng Ngọc V là chủ xe mô tô BKS 74G1-035.18 và anh Trần Tấn L là chủ xe mô tô BKS 74F9-5024 sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Anh Nguyễn Quang V mua xe mô tô 74K7-0207 với số tiền 3.000.000 đồng, sau đó bán cho anh Lê Hồng N với giá 5.000.000 đồng, hưởng lợi 2.000.000 đồng, anh Vinh tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi 2.000.000 đồng và không có yêu cầu gì; anh Lê Hồng N đã mua xe mô tô 74K7-0207 với giá 5.000.000 đồng, bà Lê Thị X đã chuộc lại nên anh N không có yêu cầu gì; anh Lê Anh T đã nhận cầm cố 01 giấy phép lái xe hạng A1 của bà Lê Thị X với giá 100.000 đồng nhưng anh T không yêu cầu Nguyễn Ngọc H bồi thường.

[6.3] Bà Lê Thị X yêu cầu Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T bồi thường thiệt hại với số tiền 5.000.000 đồng là tiền bà đã chuộc lại xe mô tô 74K7-0207 từ anh Ngọc, xét thấy yêu cầu của bà X là đúng pháp luật nên buộc 2 bị cáo liên đới bồi thường cho bà Lê Thị X 5.000.000 đồng.

[6.4] Anh Hồ Văn P yêu cầu 2 bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 2.500.000 đồng là số tiền anh Phan đã mua xe mô tô BKS 74G1-035.18; anh Hồ Văn T yêu cầu 2 bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 1.800.000 đồng là số tiền anh T đã mua xe và sửa xe mô tô BKS 74F9-5024, xét thấy anh Hồ Văn P và anh Hồ Văn T mua tài sản của các bị cáo nhưng không biết là do phạm tội mà có nên việc yêu cầu bồi thường của anh P, anh T là có căn cứ, buộc 2 bị cáo bồi thường cho anh Hồ Văn P 2.500.000 đồng; bồi thường cho anh Hồ Văn T số tiền 1.800.000 đồng. Do các bị cáo đã nộp lại số tiền 9.500.000 đồng để bồi thường nên tiếp tục tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave alpha, màu đen, biển kiểm soát 74K7-0207; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 74G1-035.18; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ trắng, biển kiểm soát 74F9-5024; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 000299, tên chủ xe: Lê Thị X; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 451089002513, cấp cho Lê Thị X; 01 BKS 74K7-0207, đăng ký ngày 28/01/2008. Hội đồng xét xử xét thấy cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật nên không xem xét lại.

[7.2] Thu giữ của bị cáo Trần Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0388.412.193; thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 điện thoại di động Redmi A6 màu trắng, ốp lưng màu đen, bên trong có 02 sim điện thoại, Sim: Vinaphone Sim 2: 4G Viettel, màn hình máy bị vỡ; thu giữ 01 tuốc nơ vít do anh Hồ Văn P giao nộp tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Riêng 03 sim điện thoại và 01 tuốc nơ vít không có giá trị sử dụng áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7.3] Số tiền 2.000.000 đồng anh Nguyễn Quang V giao nộp là số tiền thu lợi từ việc anh V bán tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về vấn đề khác của vụ án: Đối với xe mô tô BKS: 74H1-1272 là phương tiện Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T dùng vào việc phạm tội, đây là tài sản của ông Trần Văn Q (bố của bị cáo T). Việc H và T sử dụng xe vào việc phạm tội thì ông Q không biết nên không xem xét. Đối với hành vi của anh Hồ Văn P, Hồ Văn T, Nguyễn Quang V, Lê Hồng N, Lê Anh T đã mua và cầm cố các tài sản do Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T phạm tội mà có nhưng không biết là do phạm tội mà có nên không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có" vì vậy không xem xét.

[9] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Ngọc H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Thị T;

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”,

2. Xử phạt Nguyễn Ngọc H: **15** (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/4/2023.

3. Xử phạt bị cáo Trần Thị T: **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp bị cáo Trần Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Thị T liên đới bồi thường cho anh Hồ Văn P 2.500.000 đồng; bồi thường cho anh Hồ Văn T số tiền 1.800.000 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị X 5.000.000 đồng. Tổng cộng: 9.300.000 đồng.

5. Về vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh, đã được niêm phong, ký hiệu ĐTOPPOF9;

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, mẫu thiết bị Redmi A6, xung quanh viền trước máy màu trắng, ốp lưng màu đen, màn hình máy bị vỡ, được niêm phong, bên ngoài túi niêm phong ký hiệu PS3 (mã số PS3A-002643).

+ Số tiền 2.000.000 đồng anh Nguyễn Quang V giao nộp.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 thẻ sim của nhà mạng viễn thông Viettel, có số điện thoại 0388.412.193, bên trên có dãy số 8984048000914228990, được niêm phong, ký hiệu ĐTOPPOF9;

+ 02 điện sim điện thoại, sim Vinaphone có dãy số 89840200011240414944, Sim 2: 4G Viettel có dãy số 8984048000382152095, đã được niêm phong, bên ngoài túi niêm phong ký hiệu PS3 (mã số PS3A-002643).

+ 01 tuốc nơ vít, đã qua sử dụng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.500.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án (Ủy nhiệm chi UNC0090, lập ngày 10/7/2023 chuyển từ tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cam Lộ đến tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ).

(Các vật chứng nêu trên hiện đang có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/7/2023 và biên bản giao nhận vật chứng tại phiên tòa ngày 22/8/2023).

6. Về án phí: Buộc Nguyễn Ngọc H, Trần Thị T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Văn Quý**